**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NGÀNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)**

**(COMPUTER SOFTWARE APPLICATIONS)**

**Vĩnh Long - Năm 2016**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Tên ngành/nghề**: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)**

**COMPUTER SOFTWARE APPLICATIONS**

**Trình độ đào tạo**: Cao đẳng

**Đối tượng tuyển sinh**: Trung học phổ thông hoặc tương đương

**Số lượng môn học, mô đun đào tạo**: 45

**Tổng số tín chỉ:** 111

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp**: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng và công nhận danh hiệu

Kỹ sư thực hành.

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**I.1. Kiến thức, kỹ năng**

- Kiến thức

* Kiến thức cơ bản: Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức cơ bản, kiến thức đại cương bậc cao đẳng: Lý luận chính trị, Pháp luật đại cương, Ngoại ngữ. Có kiến thức về rèn luyện thể chất và giáo dục quốc phòng để tham gia bảo vệ tổ quốc.
* Kiến thức cơ sở ngành: Có kiến thức chuyên môn vững vàng để thích ứng tốt với những công việc khác nhau thuộc lĩnh vực rộng của ngành học như:
* Kiến thức về hệ thống tính toán (Máy tính)
* Tư duy lôgic tốt về lập trình và các ngôn ngữ lập trình
* Cấu trúc dữ liệu và các giải thuật...
* Kiến thức chuyên ngành: Hiểu biết sâu rộng và vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành về mạng, đồ họa, thiết kế và xây dựng các hệ thống tính toán xử lí thông tin, cơ sở dữ liệu, phát triển phần mềm ứng dụng.

- Kỹ năng

* Biết vận dụng tư duy thiết kế tổng hợp từ các kiến thức cơ bản,cơ sở chuyên ngành được đào tạo kết hợp với các kiến thức cá nhân tự trang bị vào các hoạt động chuyên môn.
* Có khả năng độc lập nghiên cứu, truyền đạt các ứng dụng CNTT.
* Có năng lực khảo sát thiết kế xây dựng hệ thống thông tin, thiết kế triển khai các hệ thống mạng máy tính và các hệ thống nhúng.
* Có khả năng tìm hiểu, vận dụng khai thác và chuyển giao các sản phẩm Công nghệ Thông tin.
* Có khả năng tham gia các ứng dụng về dịch vụ hành chính công (chính Phủ điện tử), triển khai vận hành khai thác Thương mại điện tử.

**I.2. Chính trị, đạo đức, thể chất và quốc phòng**

- Chính trị, pháp luật

* Có kiến thức khái quát về Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc, giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam.
* Có kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam.

- Đạo đức, tác phong công nghiệp

* Lĩnh hội được những kiến thức cần thiết về đạo đức, có khả năng lựa chọn những giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị của nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của xã hội, với quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước ta.

- Thể chất, quốc phòng

* Về thể chất phát triển con người toàn diện, cường tráng về thể chất phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức.
* Về quốc phòng: giáo dục hoc học sinh sinh viên về lòng yêu nước, yêu CNXH, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống yêu nước và giữ nước của dân tộc. Trang bị kiến thức, kỹ năng bảo vệ tổ quốc trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, cũng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

**I.3. Cơ hội việc làm**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng phần mềm tin học trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ kinh doanh sản xuất. Cụ thể:

* Chuyên viên tư vấn và chuyển giao phần mềm ứng dụng.
* Chuyên viên thiết kế phần mềm ứng dụng.
* Chuyên viên quản trị hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu.
* Chuyên viên bảo trì hệ thống máy tính.
* Chuyên viên thiết kế và quản trị website.
* Chuyên viên an toàn - bảo mật thông tin.

Sinh viên cũng làm việc được trong các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phần mềm tin học như: chuyên viên phân tích và thiết kế hệ thống, lập trình viên phần mềm ứng dụng, chuyên viên thiết kế web, chuyên viên kiểm thử phần mềm.

**II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC**

- Thời gian khoá học: 3 năm

- Thời gian học tập: 132 tuần

- Số lượng học phần: 45

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 111 tín chỉ

+ Khối lượng các học phần chung: 12 tín chỉ

+ Khối lượng các học phần chuyên môn: 99 tín chỉ

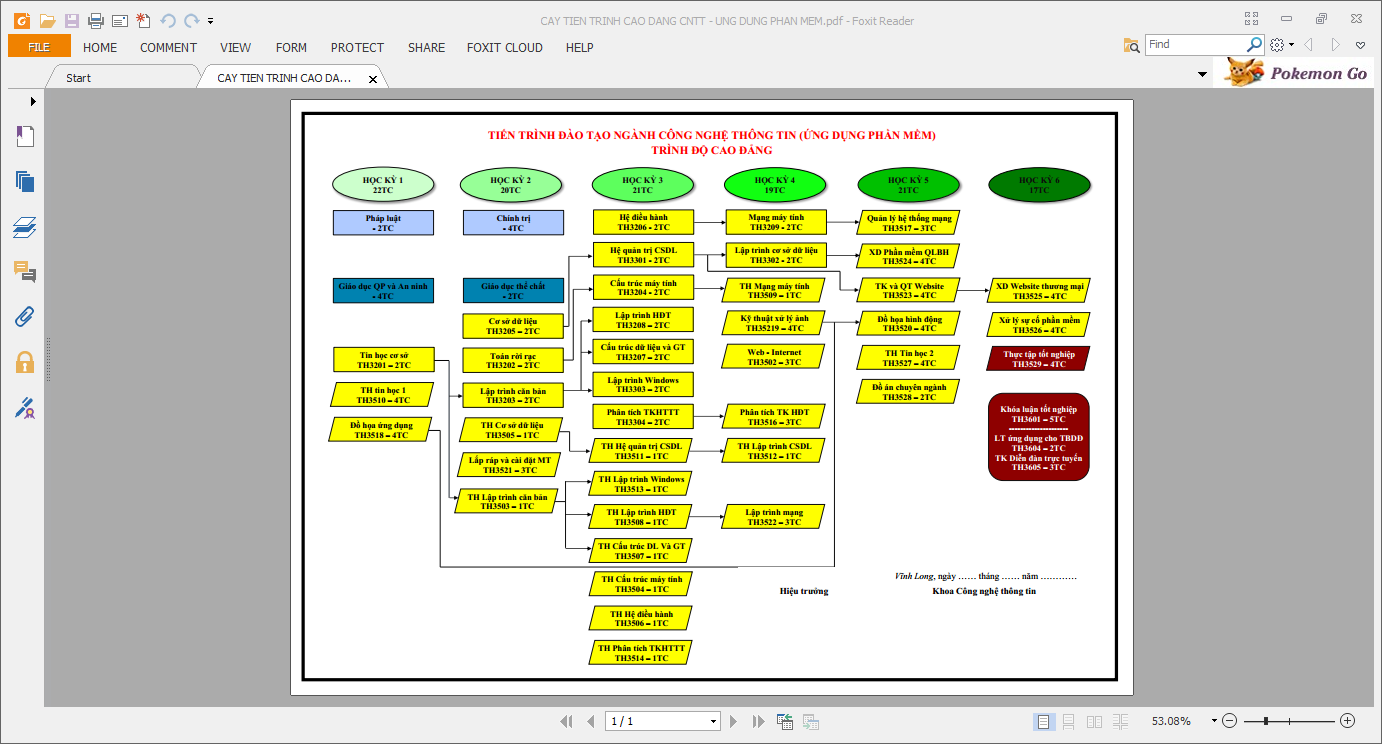
+ Khối lượng lý thuyết: 35 tín chỉ

+ Khối lượng thực hành, thực tập: 76 tín chỉ

**III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **MÃ HỌC PHẦN** | **TÊN HỌC PHẦN** | **SỐ TÍN CHỈ** | | | **GHI  CHÚ** |
| **LÝ THUYẾT** | **THỰC HÀNH** | **TỔNG  SỐ** |
| **I. Các học phần chung chung** | | | **9** | **3** | **12** |  |
| 1 | CT1108 | Chính trị | 4 | 0 | 4 |  |
| 2 | CT1109 | Pháp luật | 2 | 0 | 2 |  |
| 3 |  | Giáo dục thể chất | 0 | 2 | 2 |  |
| 4 |  | Giáo dục quốc phòng và An ninh | 3 | 1 | 4 |  |
| **II. Các học phần đào tạo** | | | **26** | **73** | **99** |  |
| ***II.1. Các học phần lý thuyết*** | | | ***26*** | ***0*** | ***26*** |  |
| 5 | TH3201 | Tin học cơ sở | 2 | 0 | 2 |  |
| 6 | TH3202 | Toán rời rạc | 2 | 0 | 2 |  |
| 7 | TH3203 | Lập trình căn bản | 2 | 0 | 2 |  |
| 8 | TH3204 | Cấu trúc máy tính | 2 | 0 | 2 |  |
| 9 | TH3205 | Cơ sở dữ liệu | 2 | 0 | 2 |  |
| 10 | TH3206 | Hệ điều hành | 2 | 0 | 2 |  |
| 11 | TH3207 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 2 | 0 | 2 |  |
| 12 | TH3208 | Lập trình hướng đối tượng | 2 | 0 | 2 |  |
| 13 | TH3209 | Mạng máy tính | 2 | 0 | 2 |  |
| 14 | TH3301 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 2 | 0 | 2 |  |
| 15 | TH3302 | Lập trình cơ sở dữ liệu | 2 | 0 | 2 |  |
| 16 | TH3303 | Lập trình Windows | 2 | 0 | 2 |  |
| 17 | TH3304 | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin | 2 | 0 | 2 |  |
| ***II.2. Các học phần thực hành*** | | | ***0*** | ***68*** | ***68*** |  |
| 18 | TH3502 | Web - Internet | 0 | 3 | 3 |  |
| 19 | TH3503 | Thực hành Lập trình căn bản | 0 | 1 | 1 |  |
| 20 | TH3504 | Thực hành Cấu trúc máy tính | 0 | 1 | 1 |  |
| 21 | TH3505 | Thực hành Cơ sở dữ liệu | 0 | 1 | 1 |  |
| 22 | TH3506 | Thực hành Hệ điều hành | 0 | 1 | 1 |  |
| 23 | TH3507 | Thực hành Cấu trúc dữ liệu và  giải thuật | 0 | 1 | 1 |  |
| 23 | TH3508 | Thực hành Lập trình hướng  đối tượng | 0 | 1 | 1 |  |
| 25 | TH3509 | Thực hành Mạng máy tính | 0 | 1 | 1 |  |
| 26 | TH3510 | Thực hành tin học 1 | 0 | 4 | 4 |  |
| 27 | TH3511 | Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 0 | 1 | 1 |  |
| 28 | TH3512 | Thực hành Lập trình cơ sở dữ liệu | 0 | 1 | 1 |  |
| 29 | TH3513 | Thực hành Lập trình Windows | 0 | 1 | 1 |  |
| 30 | TH3514 | Thực hành Phân tích thiết kế  hệ thống thông tin | 0 | 1 | 1 |  |
| 31 | TH3516 | Phân tích thiết kế hướng đối tượng | 0 | 3 | 3 |  |
| 32 | TH3517 | Quản lý hệ thống mạng | 0 | 3 | 3 |  |
| 33 | TH3518 | Đồ họa ứng dụng | 0 | 4 | 4 |  |
| 34 | TH3519 | Kỹ thuật xử lý ảnh | 0 | 4 | 4 |  |
| 35 | TH3520 | Đồ họa hình động | 0 | 4 | 4 |  |
| 36 | TH3521 | Lắp ráp và cài đặt máy tính | 0 | 3 | 3 |  |
| 37 | TH3522 | Lập trình mạng | 0 | 3 | 3 |  |
| 38 | TH3523 | Thiết kế và quản trị website | 0 | 4 | 4 |  |
| 39 | TH3524 | Xây dựng phần mềm quản lý  bán hàng | 0 | 4 | 4 |  |
| 40 | TH3525 | Xây dựng website thương mại | 0 | 4 | 4 |  |
| 41 | TH3526 | Xử lý sự cố phần mềm | 0 | 4 | 4 |  |
| 42 | TH3527 | Thực hành tin học 2 | 0 | 4 | 4 |  |
| 43 | TH3528 | Đồ án chuyên ngành | 0 | 2 | 2 |  |
| 44 | TH3529 | Thực tập tốt nghiệp | 0 | 4 | 4 |  |
| ***II.3. Các học phần tự chọn hoặc khóa luận tốt nghiệp*** | | | ***0*** | ***5*** | ***5*** |  |
| 45 | TH3601 | Khóa luận tốt nghiệp | 0 | 5 | 5 |  |
| *Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp* | |  |  |  |  |
| TH3604 | Lập trình ứng dụng cho thiết bị di động | 0 | 2 | 2 |  |
| TH3605 | Thiết kế diễn đàn trực tuyến | 0 | 3 | 3 |  |
| **TỔNG** | | | **35** | **76** | **111** |  |

**IV. KẾ HOẠCH DỰ KIẾN**

****

**V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH**

**V.1 Hướng dẫn về học phần tín chỉ:**

- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết học trên lớp + 30 tiết chuẩn bị, tự học.

- 1 tín chỉ thực hành = 30 giờ học trên lớp + 30 giờ chuẩn bị, tự học.

**V.2 Điều kiện tốt nghiệp:**

- Tích lũy các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; Điểm trung bình chung của các học phần đạt từ 2,0 trở lên.

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, kỹ năng thực hành nghề; chứng chỉ Anh văn, Tin học theo qui định của nhà trường.

**V.3 Các chú ý khác:** Không

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HIỆU TRƯỞNG | PHÒNG ĐÀO TẠO | *Vĩnh Long, ngày tháng năm*  KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |